

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỆ SINH THÁI DU LỊCH UBG FARM BẮC GIANG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HỆ SINH THÁI DU LỊCH UBG FARM BẮC GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UBG FARM BAC GIANG ECOSYSTEM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: UBG FARM BAC GIANG

2. Mã số doanh nghiệp: 0110137053

3. Ngày thành lập: 03/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 02 Lô 02 C4/NO, Khu tái định cư Nam Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02871020222

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Phân phối rượu (Điều 11 Nghị định 105/2017/NĐ-CP); - Bán buôn rượu (Điều 12 Nghị định 105/2017/NĐ-CP); - Bán buôn bia; - Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt, có hoặc không có ga như: coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác...; - Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.	4633
6.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (Điều 26, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP).	4634
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hương nhang các loại - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: tinh dầu, dầu thơm và hương liệu... - Bán buôn bột giấy	4669
12.	Trồng lúa	0111
13.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
14.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
15.	Trồng cây mía	0114
16.	Trồng cây lấy sợi	0116
17.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
18.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
19.	Trồng cây hàng năm khác	0119
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
22.	Trồng cây điều	0123
23.	Trồng cây hồ tiêu	0124
24.	Trồng cây cao su	0125
25.	Trồng cây cà phê	0126
26.	Trồng cây chè	0127
27.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: - Trồng cây gia vị lâu năm; - Trồng cây lâu năm để làm thuốc và sản xuất hương liệu: cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược phẩm hoặc làm thuốc chữa bệnh không qua chế biến (thuốc nam, thuốc bắc) như: hoa nhài, hồi, ý dĩ, tam thất, sâm, sa nhân,...	0128
28.	Trồng cây lâu năm khác	0129
29.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
30.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
31.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò Chi tiết: - Chăn nuôi trâu, bò; - Sản xuất sữa nguyên chất từ bò và trâu sữa	0141
32.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
33.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai Chi tiết: - Chăn nuôi dê, cừu; - Sản xuất sữa nguyên chất từ dê và cừu sữa	0144
34.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
35.	Chăn nuôi gia cầm	0146
36.	Chăn nuôi khác	0149

37.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
38.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
39.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
40.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
41.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
42.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
43.	Khai thác gỗ (Điều 20, Điều 29 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)	0220
44.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: - Khai thác luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây,... - Khai thác sản phẩm khác như cánh kiến, nhựa cây từ cây lâm nghiệp, cây lâm nghiệp đặc sản... - Khai thác gỗ cành, củi.	0231
45.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: - Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên; - Thu nhặt các sản phẩm khác từ rừng tự nhiên...	0232
46.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
47.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức (Trừ hợp báo)	8230
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại số 36/2005/QH11)	8299
49.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: - Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng; - Lập trình các phần mềm nhúng; - Sản xuất phần mềm không nhằm để xuất bản.	6201
50.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
51.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
52.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

53.	Cổng thông tin Chi tiết: - Điều hành các website, cổng internet; - Thiết lập Trang thông tin điện tử tổng hợp - Sàn giao dịch thương mại điện tử (Điều 3 Nghị định 52/2013/NĐ-CP) (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
54.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (trừ dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
55.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Khoản 1 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13)	6810(Chính)
56.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản. (Điều 62, Điều 74, Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6820
57.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn tài chính, kế toán, thuế, kiểm toán, chứng khoán, pháp luật)	7020
58.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
59.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
60.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
61.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
62.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại: - Chụp ảnh chân dung cho hộ chiếu, thẻ, đám cưới..., - Chụp ảnh cho mục đích thương mại, thời trang, bất động sản hoặc du lịch, - Chụp ảnh trên không, - Quay video: Đám cưới, hội họp...; (Không bao gồm hoạt động của các phóng viên, nhà báo. Không bao gồm các hoạt động liên quan đến điện ảnh và truyền hình)	7420
63.	Bán buôn tổng hợp (Trừ vàng, súng đạn, tem, tiền kim khí)	4690
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
65.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ vàng, súng đạn, tem, tiền kim khí)	4719
66.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

67.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
68.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
69.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh (Điều 9, Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP)	4724
70.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
71.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
72.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
73.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
74.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
75.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
76.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
77.	Sản xuất đường	1072
78.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
79.	Sản xuất chè	1076
80.	Sản xuất cà phê	1077
81.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các loại trà dược thảo; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến	1079
82.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; - Sản xuất đồ uống không cồn	1104
83.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
84.	Sao chép bản ghi các loại	1820
85.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm; - Sản xuất hương các loại... - Sản xuất tinh dầu tự nhiên	2029
86.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4774
87.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
88.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
89.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784

90.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
91.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm hoạt động đấu giá. Trừ vàng, súng đạn, tem, tiền kim khí từ vàng)	4789
92.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
93.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ của các đại lý hương hoa hồng (ngoài cửa hàng) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
94.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
95.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ logistics (Điều 3 Nghị định 163/2017/NĐ-CP) (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229
97.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự.	5510
98.	Cơ sở lưu trú khác	5590
99.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; - Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; - Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
100.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5621
101.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5629
102.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar)	5630
103.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ chương trình truyền hình)	5911
104.	Hoạt động hậu kỳ (Trừ chương trình truyền hình)	5912
105.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ chương trình truyền hình)	5913

106.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh đại lý lữ hành (Điều 40 Luật Du lịch 2017)	7911
107.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài (Điều 30, Điều 31 Luật du lịch số 09/2017/QH14)	7912
108.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
109.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
110.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
111.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi Chi tiết: Sản xuất trò chơi điện tử	3240
112.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
113.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
114.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
115.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
116.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
117.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
118.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng, súng đạn, tem, tiền kim khí)	4773
119.	Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.500.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN - TẬP ĐOÀN UBG	602 Phạm Văn Đồng, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000 .000	15.000.000.000	10,000	0315864765	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000 .000	15.000.000.000	10,000		
2	NGUYỄN THANH BÌNH	401/10 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.335.0 00.000	133.500.000.00 0	89,000	0440690019 04	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.335.0 00.000	133.500.000.00 0	89,000		

3	TRẦN XUÂN HÙNG	602 Phạm Văn Đồng, Khu phố 3, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000.000	1.500.000.000	1,000	241055062	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000.000	1.500.000.000	1,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 13/12/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 044069001904

Ngày cấp: 16/03/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 401/10 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 401/10 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội